**TUẦN 9**

**Ngày thứ 1:**

**Ngày soạn :***02/11/2024*

**Ngày dạy :** *Thứ Hai ngày 04/11/2024*

**TOÁN**

**Bài 9: LUYỆN TẬP CHUNG (Trang 54)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nhận dạng được hình đã học (hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật) thông qua vật thật

- Làm quen phân tích, tổng hợp hình, phát triển tính độc lập, sáng tạo ..... khi thực hiện xếp, ghép hình, đếm hình.

- Bước đầu phát triển tư duy lô gic khi xếp ghép hình theo các nhóm có quy luật

- HS tự tin giao tiếp và hợp tác , tích cực giải quyết vấn đề và sáng tạo,...

- Yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên:**

- Máy tính, máy chiếu, SGK Toán

**2. Học sinh:**

- Một số que tính , các hình trong bộ đồ dùng học toán

- Bộ đồ dùng học Toán 1

- Sưu tầm vật thật tranh ảnh

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1. Khởi động**  - Ổn định tổ chức  - Giới thiệu bài. | - Hát  - Lắng nghe |
| **2. Hình thành kiến thức mới**  **\* Bài 1: Mỗi đồ vật có dạng hình gì**  - GV nêu yêu cầu của bài.  - Cho HS quan sát các hình vẽ, nêu tên từng đồ vật trên hình vẽ có dạng đã học.  - HS chỉ vào từng hình và nêu tên đồ vật, tên hình gắn với mỗi đồ vât.  - GV mời HS lên bảng chia sẻ.  - GV cùng HS nhận xét. | -HS nhắc lại y/c của bài  -HS quan sát.  - HS nêu miệng.  - HS nhận xét bạn. |
| **\* Bài 2: Xếp hình**  - GV nêu yêu cầu của bài.  a) Cho HS quan sát xếp các que tính để được như hình vẽ trong SGK.  b) Yêu cầu học sinh dùng 5 que tính xếp thành một hình có 2 hình tam giác  - HS thực hiện, GV theo dõi chỉ dẫn  - GV mời HS lên bảng chia sẻ  - GV cùng HS nhận xét | - HS nhắc lại y/c của bài.  - HS quan sát.  - HS nêu miệng  - HS nhận xét bạn |
| **\*Bài 3: Nhận dạng đắc điểm hình**  - GV nêu yêu cầu của bài.  - Cho HS quan sát các hình vẽ và tìm ra quy luật theo đặc điểm nhóm hình để tìm hình thích hợp  a) Xếp nhóm hình theo quy luật về màu sắc  b) Xếp nhóm hình theo quy luật về hình dạng  - HS tìm ra hình thích hợp để xếp.  - GV mời HS lên bảng chia sẻ  - GV cùng HS nhận xét | - HS quan sát  - HS theo dõi  - HS xếp hình  - HS nhận xét |
| **3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm.**  - Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì?  - Dặn HS về nhà ôn lại bài. |  |

**D. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**............................................................................................................**

**TIẾNG VIỆT**

**Bài 36: OM, ÔM, ƠM (trang 84, 85)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết và đọc đúng vần *om, ôm, ơm*; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có vần *om, ôm, ơm*; hiểu và trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng vần *om, ôm, ơm*; viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần *om, ôm, ơm*.

- Cảm nhận được tình cảm của gia đình, niềm tự hào, tình yêu quê hương đất nước

- Yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: Máy tính, giáo án điện tử, SGK TV

**2. Học sinh:** Bộ đồ dùng TV, bảng, phấn, SGK, vở TV

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1. Ôn và khởi động**  - HS hát, chơi trò chơi.  **2. Hình thành kiến thức**  **1. Nhận biết**  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: *Em thấy gì trong tranh?*  - GV thuyết minh ngắn gọn nội dung tranh (Gợi ý: Cốm thường có vào mùa nào trong năm? Cốm làm từ hạt gì? Em ăn cốm bao giờ chưa?..).  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo.  - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: *Hương cốm/ thơm/ thôn xóm.*  - GV giới thiệu các vần mới *om, ôm, ơm*. Viết tên bài lên bảng.  **2. Đọc**  **a. Đọc vần om, ôm, ơm**  **- So sánh các vần**:  + GV giới thiệu vần *om, ôm, ơm*.  + GV yêu cầu HS so sánh vần *om, ôm, ơm* để tìm ra điểm gìống và khác nhau. (Gợi ý: Giống nhau là đều có *m* đứng sau, khác nhau ở chữ đứng trước: *o, ô, ơ*).  + GV nhắc lại điểm giống và khác nhau gìữa các vần.  **- Đánh vần các vần**  + GV đánh vần mẫu các vẫn *om, ôm, ơm*. GV chú ý hướng dẫn HS quan sát khẩu hình, tránh phát âm sai.  + GV yêu cầu HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 3 vần.  + GV yêu cầu lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.  **- Đọc trơn các vần**  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 3 vần.  + Lớp đọc trơn đồng thanh 3 vần một lần.  **- Ghép chữ cái tạo vần**  + GV yêu cầu HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần *om.*  + GV yêu cầu HS tháo chữ *o*, ghép *ơ* vào để tạo thành *ơm.*  + GV yêu cầu HS tháo chữ *ơ*, ghép *ô* vào để tạo thành *ôm*.  - Lớp đọc đồng thanh *om, ôm, ơm* một số lần.  **b. Đọc tiếng**  **- Đọc tiếng mẫu**  + GV giới thiệu mô hình tiếng *xóm*. (GV: Từ các vần đã học, làm thế nào để có tiếng *xóm*? Hãy lấy chữ ghi âm *x* ghép trước vần *om*, thêm dấu sắc xem ta được tiếng nào?  + GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng *xóm*.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đánh vần tiếng *xóm*. Lớp đánh vần đồng thanh tiếng *xóm*.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng *xóm*. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng *xóm*.  **- Đọc tiếng trong SHS**  + Mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.  **- Ghép chữ cái tạo tiếng**  + HS tự tạo các tiếng có chứa vần *om, ôm, ơm*. + GV yêu cầu HS đọc tiếng vừa ghép được.  + GV yêu cầu HS phân tích tiếng  + GV yêu cầu HS nêu lại cách ghép,  + GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép dược.  **c. Đọc từ ng**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: *đom đóm, chó đốm, mâm cơm*. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn *đom đóm*,  - GV yêu cầu HS nhận biết tiếng chứa vần *om* trong *đom đóm*  - GV yêu cầu HS phân tích và đánh vần *đom, đóm*, đọc trơn từ ngữ *đom đóm*.  - GV thực hiện các bước tương tự đối với *chó đốm, mâm cơm*  - GV yêu cầu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  **d. Đọc lại các tiếng**  - GV có thể cho nhóm đôi đọc cho nhau nghe, gọi một số HS đọc, cuối cùng cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **3. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ viết các vần *om, ôm, ơm.*  - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vần *om, ôm, ơm*  - HS viết vào bảng con: vần *om, ôm, ơm, đóm, đốm, cơm* (chữ cỡ vừa).  - GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - Sau khi HS viết xong mỗi vần và tiếng chứa vần đó, GV đưa bảng con của một số HS để các bạn khác nhận xét chữ viết, GV sửa (nếu cần). HS xoá bảng để viết vần và tiếng tiếp theo.  - GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết cho HS. | - Hs chơi.  - HS trả lời.  - Hs lắng nghe.  - HS nói.  - HS đọc.  - HS đọc.  - Hs lắng nghe và quan sát.  - Hs lắng nghe.  - HS trả lời.  - Hs lắng nghe.  - Hs lắng nghe, quan sát.  - HS đánh vần.  - Lớp đánh vần đồng thanh.  - HS đọc trơn vần.  - Cả lớp đọc trơn đồng thanh.  - HS tìm, ghép.  - HS ghép.  - HS ghép.  - HS đọc.  - HS lắng nghe.  - HS thực hiện.  - HS đánh vần tiếng *xóm*. Lớp đánh vần đồng thanh.  - HS đọc trơn. Lớp đọc trơn đồng thanh.  - HS đánh vần, lớp đánh vần.  - HS đọc.  - HS đọc.  - HS tự tạo.  - HS đọc.  - HS phân tích.  - HS ghép lại.  - Lớp đọc trơn đồng thanh.  - HS lắng nghe, quan sát.  - HS nói.  - HS nhận biết.  - HS thực hiện.  - HS thực hiện.  - HS đọc.  - HS quan sát.  - HS viết vào bảng con (chú ý khoảng cách gìữa các chữ trên một dòng).  - HS quan sát.  - HS nhận xét. |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **4. Viết vở**  - GV đưa vần, từ ngữ viết mẫu và hướng dẫn về độ cao của các con chữ.  - GV hướng dẫn HS viết đúng điểm đặt bút và đúng số lần theo yêu cầu. Lưu ý khoảng cách gìữa các chữ. GV nhắc lại tư thế ngồi viết, cách cầm bút.  - GV yêu cầu HS viết vào vở các vần *om, ôm, om*; từ ngữ *chó đốm, mâm cơm*.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách  - GV nhận xét và sửa bài viết của một số HS.  **5. Đọc đoạn**  - GV đọc mẫu cả đoạn.  - GV yêu cầu HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần *om, ôm, om*  - GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rồi mới đọc).  - GV yêu cầu một số (2 - 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.  - HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn đã đọc:  *+ Cô Mơ cho Hà cái gì?;*  *+ Theo em, tại sao mẹ khen Hà* (Vì Hà là cô bé hiếu thảo, biết yêu thương bố mẹ)?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **6. Nói theo tranh**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SHS, TLCH:  *+ Tranh vẽ cảnh ở đâu?*  *+ Em nhìn thấy những gì trong tranh?*  *+ Điều gì xảy ra khi quả bóng rơi vào bàn?*  *+ Hãy thử hình dung tâm trạng của Nam khi gây ra sự việc. Em hãy đoán xem mẹ Nam sẽ nói gì ngay khi nhìn thấy sự việc?*  *+ Nam sẽ nói gì với mẹ?*  *+ Theo em, Nam nên làm gì sau khi xin lỗi mẹ?* (Gợi ý: lau khô bàn, sàn nhà...)  **III. Hoạt động vận dụng trải nghiệm.**  - HS tham gìa trò chơi để tìm một số từ ngữ chứa vần *om, ơm, ôm* và đặt câu với các từ ngữ tìm được.  - GV nhận xét chung gìờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Khuyến khích HS thực hành gìao tiếp ở nhà. | - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - HS viết.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - HS đọc thầm, tìm .  - HS đọc  - HS đọc  - HS đọc  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS chơi  HS lắng nghe. |

**D. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Ngày thứ 2:**

**Ngày soạn :***03/11/2024*

**Ngày dạy :***Thứ Ba ngày 05/ 11/ 2024*

**ĐẠO ĐỨC**

**Bài 8: QUAN TÂM, CHĂM SÓC CHA MẸ (Trang 24)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau bài học, giúp học sinh:

- Nhận biết được biểu hiện và ý nghĩa của việc quan tâm, chăm sóc cha mẹ.

- Thể hiện sự quan tâm, chăm sóc cha mẹ bằng những việc làm phù hợp với lứa tuổi.

- Thực hiện được những việc đồng tình với thái độ thể hiện yêu thương với cha mẹ.

- Bước đầu hình thành và phát triển năng lực tự học và hợp tác.

- Chăm chỉ, trách nhiệm và yêu thích môn đạo đức.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên: -** SGK, SGV, vở bài tập đạo đức 1

- Tranh ảnh, tuyện, hình dán mặt cười – mặt mếu, âm nhạc (bài hát “Bàn tay mẹ” – sáng tác: Bùi Đình Thảo

- Máy tính, bài giảng PP

**2. Học sinh:** SGK, vở bài tập đạo đức 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - GV tổ chức cho cả lớp cùng hát để HS hát bài “Bàn tay mẹ”.  - GV đặt câu hỏi:  + Bàn tay mẹ đã làm những việc gì cho con? (bế con, chăm con, nấu cơm cho con ăn, đun nước cho con uống, quạt mát cho con ngủ, ủ ấm cho con để con khôn lớn,…)  *Kết luận:* Bàn tay mẹ đã làm rất nhiều việc chăm sóc con khôn lớn. Công ơn của cha mẹ lớn như trời, như biển. Vậy chúng ta cần quan tâm, chăm sóc cha mẹ để đpá lại tình cảm yêu thương đó.  **2. Hình thành kiến thức**  **2.1. Khám phá**  *Tìm hiểu vì sao phải quan tâm, chăm sóc cha mẹ.*  **-** GV treo 5 tranh ở mục Khám phá trong SGK (hoặc dùng các phương tiện dạy học khác để chiếu hình),  - Chia HS thành các nhóm (từ 4 – 6 HS), giao nhiệm vụ cho các nhóm: Bạn trong mỗi tranh đã làm gì để thể hiện sự quan tâm, chăm sóc cha mẹ?  **-** Đại diện nhóm lên trình bày kết quả thảo luận của nhóm thông qua các tranh (có thể đặt tên cho nhân vật trong tranh). Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung ý kiến cho nhóm vừa trình bày.  + Tranh l: Bạn tặng hoa chúc mừng mẹ nhân ngày 8-3/ Bạn chúc mừng sinh nhật mẹ,...  + Tranh 2: Bạn thơm má bố/ Bạn rất yêu bố,...  + Tranh 3: Bạn cùng chị gái phụ giúp mẹ nấu cơm.  + Tranh 4: Bạn cùng bố lau nhà.  + Tranh 5: Bạn cùng chị gái rửa và xếp gọn bát đĩa.  - GV đặt câu hỏi: Vì sao cần quan tâm, chăm sóc cha mẹ?  - GV lắng nghe, khen ngợi HS có những câu trả lời đúng và hay.  **Kết luận*: Hằng ngày, cha mẹ đã làm việc vất vả để nuôi dạy con cái khôn lớn, dành tất cả tình yêu thương cho con. Để đáp lại tình yêu thương lớn lao ấy, con cái cần quan tâm, chăm sóc cha mẹ bằng những việc làm như: yêu thương, chia sẻ niềm vui, phụ giúp gia đình, chăm chỉ học tập,...***  **2.2. Luyện tập**  a. Hoạt động 1. Em chọn việc nên làm  - GV chia HS thành các nhóm (từ 4 - 6 HS), giao nhiệm vụ cho các nhóm quan sát kĩ các tranh trong SGK để lựa chọn: Đồng tình với việc làm nào? Không đồng tình với việc nào? Vì sao?  - GV treo tranh lên bảng để HS lên gắn sticker mặt cười hay mặt mếu (hoặc dùng thẻ xanh, đỏ để bày tỏ ý kiến).  - Mời đại diện các nhóm lên gắn sticker (hoặc giơ thẻ đỏ hay xanh).  + Đồng tình: tranh 1,2.  + Không đồng tình: tranh 3, 4.  - HS nêu ý kiến vì sao đồng tình với việc làm ở tranh 1, 2; không đồng tình với việc làm ở tranh 3,4. Cả lớp lắng nghe và bổ sung ý kiến.  **Kết luận*: Hành vi của bạn nhỏ ở bên mẹ, giữ im lặng cho mẹ nghỉ ngơi, chăm sóc khi mẹ bị ốm thật đáng khen. Không nên thờ ơ, thiếu sự quan tâm đến mẹ như hành vi của bạn nhỏ: mẹ ốm và vẫn ngồi xem ti-vi, bỏ đi chơi không quan tâm mẹ.***  b. Hoạt động 2: Chia sẻ cùng bạn:  - GV đặt câu hỏi: Em đã làm được những việc gì để thể hiện sự quan tâm, chăm sóc cha mẹ?  - HS chia sẻ qua thực tế của bản thân.  - GV nhận xét và khen ngợi các bạn đã biết thể hiện sự quan tâm, chăm sóc cha mẹ.  **3. Vận dụng**  a. Hoạt động 1: Xử lí tình huống  **-** GV cho cả lớp quan sát tranh ở đầu mục Vận dụng và đặt câu hỏi: Bố em đi làm về vừa nóng vừa mệt, em sẽ làm gì?  - GV khen ngợi HS trả lời tốt và động viên các bạn trả lời còn thiếu, chưa đủ.  - GV mời HS chia sẻ những việc mình đã làm thể hiện quan tâm, chăm sóc cha mẹ.  - GV khen ngợi những việc làm của HS.  **Kết luận*: Khi bố đi làm về mệt, em nên hỏi han bố, xách đồ giùm bố, lấy nước mời bố, quạt mát cho bố,… là những việc làm thể hiện sự quan tâm, chăm sóc mẹ.***  b. Hoạt động 2: Em thể hiện sự quan tâm, chăm sóc cha mẹ bằng những việc làm phù hợp với lứa tuổi  GV cho HS quan sát tranh cuối mục Vận dụng và hướng dẫn HS thảo luận theo cặp, kể cho nhau nghe những việc em đã làm và sẽ làm thể hiện sự quan tâm, chăm sóc cha mẹ  **Kết luận*: Em luôn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ cha mẹ những việc làm vừa sức.***  **III.Hoạt động vận dụng trải nghiệm:**  - Nhận xét tiết học  - Nhắc học sinh chuẩn bị bài sau. | - HS hát  -HS trả lời  - HS lắng nghe  - HS quan sát tranh  - HS trả lời  - HS lắng nghe, bổ sung ý kiến cho bạn vừa trình bày.   -HS lắng nghe          - Học sinh trả lời     * HS lắng nghe     - HS tự liên hệ bản thân và chọn        - HS quan sát  - HS thực hiện  -HS nêu  - HS lắng nghe  -HS chia sẻ  -HS lắng nghe  - HS thảo luận và nêu  *Lấy nước cho bố uống, lấy khăn cho bố lâu mồ hôi, bật quạt cho bố,…*  - HS chia sẻ  - HS lắng nghe  - HS nêu  - HS lắng nghe  - HS đọc thông điệp trong sách |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**TIẾNG VIỆT**

**Bài 37: EM, ÊM, IM, UM (trang 86, 87)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết và đọc đúng các vần *em, êm, im, um*; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần *em, êm, im, um*; hiểu và trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng các vần *em, êm, im, um*; viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần *em, êm, im, um*.

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần *em, êm, im, um* có trong bài học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: Máy tính, giáo án điện tử, SGK TV

**2. Học sinh:** Bộ đồ dùng TV, bảng, phấn, SGK, vở TV

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt độn của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - HS hát chơi trò chơi.  **2. Hình thành kiến thức**  **2.1. Nhận biết**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: *Em thấy gì trong tranh?*  - GV thuyết minh ngắn gọn nội dung tranh  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo.  - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo, GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: *Chị em Hà/ chơi trốn tìm./ Hà/ tủm tỉm/ đếm:/ một,/ hai,/ ba,..*  - GV giới thiệu vần mới *em, êm, im, um.* Viết tên bài mới lên bảng.  **2.2. Đọc**  **a. Đọc vần**  **- So sánh các vần**  + GV giới thiệu vẫn *em, êm, im, um*.  + GV yêu cầu một số (2 - 3) HS so sánh vần *êm, im, um* với *em* để tìm ra điểm giống và khác nhau. GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần.  **- Đánh vần các vần**  + GV đánh vần mẫu các vần *em, êm, im, um.*  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 4 vần.  + GV yêu cầu lớp đánh vần đồng thanh 4 vần một lần.  **- Đọc trơn các vần**  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 4 vần.  + GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh 4 vần một lần.  - **Ghép chữ cái tạo vần**  + GV yêu cầu HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành *em.*  + GV yêu cầu HS tháo chữ *e*, ghép *ê* vào để tạo thành *êm.*  + HS tháo chữ *ê,* ghép *i* vào để tạo thành *im*; tháo chữ *i,* ghép *u* vào để tạo thành *um*.  + GV yêu cầu lớp đọc đồng thanh *em, êm, im, um* một số lần.  **b. Đọc tiếng**  - **Đọc tiếng mẫu**  + GV giới thiệu mô hình tiếng *đếm*. GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng *đếm*.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đánh vần tiếng *đếm* (*đờ - êm - đêm – sắc - đếm*). Lớp đánh vần đồng thanh tiếng *đếm*.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng *đếm*. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng *đếm.*  - **Đọc tiếng trong SHS**  + Đánh vần tiếng. GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nối tiếp nhau (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.  + Đọc trơn tiếng. Y/c mỗi HS đọc trơn một tiếng nối tiếp nhau, hai lượt.  + Mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.  - **Ghép chữ cái tạo tiếng**  + HS tự tạo các tiếng có chứa vần *em, êm, im, um.* GV yêu cầu HS phân tích tiếng, HS nêu lại cách ghép.  + Lớp đọc đồng thanh những tiếng mới ghép được.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: *tem thư, thêm nhà, tủm tỉm.* Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn *tem thư*, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ *tem thư* xuất hiện dưới tranh.  - GV yêu cầu HS nhận biết tiếng chứa vần em trong *tem thư*, phân tích và đánh vần tiếng *tem*, đọc trơn từ ngữ *tem thư.*  - GV thực hiện các bước tương tự đối với *thềm nhà, tủm tỉm*.  - GV yêu cầu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ, 3- 4 lượt HS đọc; 2-3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  - GV yêu cầu từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **3. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ viết các vần *em, êm, im, um, thềm, tủm, tỉm.*  - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình viết các vần *em, êm, im um*.  - HS viết vào bảng con: *em, êm, im, um* và *thềm, tủm, tỉm*  - GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết của HS. | - Hs chơi.  - HS trả lời.  - Hs lắng nghe.  - HS đọc.  - HS đọc.  - Hs lắng nghe và quan sát.  - Hs lắng nghe.  - HS trả lời.  - Hs lắng nghe.  - HS đánh vần.  - Lớp đánh vần đồng thanh.  - HS đọc trơn vần.  - Cả lớp đọc trơn đồng thanh vần.  - HS tìm, ghép.  - HS ghép.  - HS ghép.  - HS đọc.  - HS lắng nghe.  - HS thực hiện.  - HS đánh vần. Lớp đánh vần đồng thanh.  - HS đọc trơn tiếng *đếm*. Lớp đọc trơn đồng thanh.  - HS đánh vần, lớp đánh vần.  - HS đọc.  - HS đọc.  - HS tự tạo.  - HS phân tích.  - HS ghép lại.  - Lớp đọc trơn đồng thanh.  - HS lắng nghe, quan sát.  - HS nói.  - HS nhận biết, phân tích, đánh vần.  - HS thực hiện.  - HS thực hiện.  - HS đọc.  - HS đọc.  - HS viết vào bảng con, chữ cỡ vừa.  - HS nhận xét.  - HS lắng nghe. |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **4. Viết vở**  - GV yêu cầu HS viết vào vở Tập viết 1, tập một các vần *em, êm, im, um*; các từ ngữ *thềm nhà, tủm, tỉm*.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS.  **5. Đọc đoạn**  - GV đọc mẫu cả đoạn.  - GV yêu cầu HS đọc thầm và tìm tiếng có các vần *em, êm, im, um.*  - GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rồi mới đọc).  một câu), khoảng 1 - 2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đống thanh một lần.  - GV yêu cầu một số (2 - 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn đã đọc:  *+ Chim ri tìm gì về làm tổ?* (tìm cỏ khô)  *+ Chim sẻ và sơn ca mang cái gì đến cho chim ri?* (mang theo túm rơm).  *+ Chim ri làm gì để thể hiện tình cảm với hai bạn?* (nói lời cảm ơn).  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **6. Nói theo tranh**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  \* Tranh 1:  *+ Em nhìn thấy những gì trong tranh?*  *+ Hai bạn gìúp nhau việc gì?*  *+ Bạn được đeo bờm có nơ sẽ nói gì với bạn của mình?*  *+ Em đã bao gìờ giúp bạn việc gì chưa?*  \*Tranh 2:  *+ Em nhìn thấy những gì trong tranh?*  *+ Em đoán thử xem, bạn nhỏ sẽ nói gì khi được bạn cho đi chung ô?*  - GV yêu cầu một số (2 - 3) HS trả lời những câu hỏi trên.  **III. Hoạt động vận dụng trải nghiệm:**  - GV yêu cầu HS tìm một số từ ngữ chứa vần *em, êm, im, um* và đặt câu với từ ngữ tìm được.  - GV nhận xét chung gìờ học, khen ngợi và động viên HS.  - GV lưu ý HS ôn lại các vần và khuyến khích HS thực hành giao tiếp nhà. | - HS viết.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - HS đọc thầm, tìm.  - HS đọc  - HS đọc.  - HS đọc.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - Hs lắng nghe, thực hiện.  - HS làm. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Ngày thứ 3**

**Ngày soạn** : *04/11/2024*

**Ngày dạy** : *Thứ Tư ngày 06/11/2024*

**TOÁN**

**Bài 10: PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 10**

**(Tiết 1 - trang 56, 57)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết được ý nghĩa của phép cộng là “gộp lại”. Biết tìm kết quả phép cộng trong phạm vi 10 bằng cách đếm tất cả. Vận dụng được đặc điểm này trong thực hành tính

- Thực hiện được phép cộng trong phạm vi 10

**-** Tích cực thao tác tư duy ở mức độ đơn giản.

- HS tự tin giao tiếp và hợp tác , tích cực giải quyết vấn đề và sáng tạo,...

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên:**

- Máy tính, máy chiếu, SGK Toán

**2. Học sinh:**

- Bộ đồ dùng học Toán, SGK Toán

III**. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - Ổn định tổ chức  - Giới thiệu bài | - Hát  - Lắng nghe |
| **2. Hình thành kiến thức** |  |
|  |  |
| **2.1.** **Khám phá:** **Gộp lại thì bằng mấy?**  a) Hình thành “khái niệm” ban đầu của phép cộng theo ý nghĩa là gộp lại. Cách tìm kết quả phép cộng dựa vào phép đếm và đếm tất cả. | - HS theo dõi |
| - GV cho HS quan sát hình vẽ trong SGK để các em tự nêu vấn đề (bài toán) cần giải quyết các em có thể nêu:  Bạn Nam có 3 quả bóng bay. Bạn Mai có 2 quả bóng bay. Gộp lại cả hai bạn có bao nhiêu quả bóng bay?  - GV hướng dẫn HS tự nêu câu trả lời: cả hai bạn có 5 quả bóng bay. Hay gộp lại, có 5 quả bóng bay .GV nêu đầy đủ: 3 quả bóng và 2 quả bóng là 5 quả bóng.GV gọi một vài HS nhắc lại. | - HS quan sát |
| - Tương tự như vậy GV hướng dẫn HS quan sát hình trong SGK hoặc lấy 3 chấm tròn màu đỏ và 2 chấm tròn màu xanh trong bộ đồ dùng học tập để nêu được 3 chấm tròn và 2 chấm tròn là 5 chấm tròn.  - GV nêu: “3 chấm tròn và 2 chấm tròn là 5 chấm tròn, 3 và 2 là 5” .  Gọi vài HS nêu lại: “3 và 2 là 5” | - HS quan sát  HS nêu lại: “3 và 2 là 5” |
| - GV nêu “*Ta viết 3 và 2 là 5 như sau: 3+2=5 đọc là: ba cộng hai bằng năm”*  - GV chỉ vào dấu + và nói *dấu này là dấu cộng*.  - GV gọi một vài HS đọc phép tính 3+2 = 5. GV gọi HS lên bảng viết 3 + 2 = 5 và đọc phép tính. GV có thể gọi một vài HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi “ba cộng hai bằng mấy?”. | - HS lên bảng viết |
| b) GV cho HS quan sát hình vẽ trong SGK để các em tự nêu được 1 ô tô màu vàng và 3 ô tô màu đỏ là 4 ô tô (dựa vào đếm tất cả). GV cho HS đọc phép 1 + 3 = 4.  - GV gọi một vài HS lên bảng viết 1 + 3 = 4 và đọc phép tính.  - GV gọi một vài HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi “một cộng ba bằng mấy?”. | - HS lên bảng viết |
| **2.2. Hoạt động**  **Bài 1**: **Số ?**  - Bài này nhằm củng cố “khái niệm” phép cộng theo ý nghĩa là gộp lại, tìm kết quả phép cộng dựa vào phép đếm tất cả.  -GV đọc và giải thích yêu cầu của đề bài rồi cho HS làm bài và chữa bài theo từng *phần.* GV có thể hướng dẫn HS quan sát, mô tả nội dung từng hình để tìm số thích hợp trong ô. Chẳng hạn:  a) 1 quả táo màu đỏ và 1 quả táo màu xanh là 2 quả táo.  Vậy số thích hợp trong ô là 2 (1 +1 = 2).  Sau khi chữa bài, GV cho HS đọc từng phép tính. | - HS theo dõi, làm bài  - HS đọc |
| **Bài 2: Số ?**  *-* GV đọc và giải thích yêu cầu của đề bài rồi cho HS làm bà1. Chẳng hạn:  a) Có 2 gấu bông màu vàng và 2 gấu bông màu đỏ. Hỏi có tất cả mấy gấu bông?  Từ đó HS thấy được 2 và 4 là các số thích hợp (2 + 2 = 4).  b) Có 4 con vịt ở dưới nước và 1 con vịt ở trên bờ. Hỏi có tất cả mấy con vịt? Từ đó HS thấy được 1 và 5 là các số thích hợp (4+ 1 = 5). | - HS theo dõi  - HS làm bài |
| **Bài 3: Số ?**  |- Bài tập này nhằm giúp HS biết biểu thị mối quan hệ giữa các số qua phép cộng, từ đó các em ghi nhớ các công thức công trong phạm vi 5.  - GV cho HS quan sát, nhận xét bài mẫu để nhận ra trong môi trường hợp đều |cộng hai số ở hai ô dưới được số ở ô trên.  - GV cho HS làm rồi chữa bài. Sau mỗi phần, GV gọi HS đọc các phép tính | - HS quan sát, nhận xét  - HS làm bài  - HS đọc |
| **3.Hoạt động vận dụng trải nghiệm.**  - Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì?  - Dặn HS về nhà ôn bài. | - HS trả lời |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**TIẾNG VIỆT**

**Bài 38: AI, AY, ÂY (trang 88, 89)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết và đọc đúng các vần *ai, ay, ây*; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần *ai, ay, ây*; hiểu và trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng các vần *ai, ay, ây*; viết đúng các tiếng, từ ngữ có các vần *ai, ay, ây*.

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần *ai, ay, ây* có trong bài học.

- Cảm nhận được những điều thú vị trong đời sống của con người cũng như của loài vật được thể hiện trong tranh, từ đó biết trân trọng giá trị cuộc sống.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: Máy tính, giáo án điện tử, SGK TV

**2. Học sinh:** Bộ đồ dùng TV, bảng, phấn, SGK, vở TV

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - HS hát chơi trò chơi.  **2. Hình thành kiến thức**  **2.1. Nhận biết**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi*: Em thấy gì trong tranh?*  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo.  - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo.  - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: *Hai bạn/ thi nhảy dây.*  - GV giới thiệu các vần mới *ai, ay, ây*. Viết tên bài lên bảng.  **2.2. Đọc**  **a. Đọc vần**  **- So sánh các vần**  + GV giới thiệu vần *ai, ay, ây*.  + GV yêu cầu một số (2 - 3) HS so sánh vần *ai, ay, ây* để tìm ra điểm gìống và khác nhau. GV nhắc lại điểm gìống và khác nhau gìữa các vần.  **- Đánh vần các vần**  + GV đánh vần mẫu các vần *ai, ay, ây*.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 3 vần.  + Y/c lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.  **- Đọc trơn các vần**  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vẩn. Mỗi HS đọc trơn cả 3 vần.  + Y/c lớp đọc trơn đồng thanh 3 vần một lần.  **- Ghép chữ cái tạo vần**  + GV yêu cầu HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần *ai.*  + GV yêu cầu HS tháo chữ *i,* ghép *y* vào để tạo thành *ay*.  + GV yêu cầu HS tháo chữ *a*, ghép *â* vào để tạo thành *ây*.  - GV yêu cầu lớp đọc đồng thanh *ai, ay, ây* một số lần.  **b. Đọc tiếng**  **- Đọc tiếng mẫu**  + GV giới thiệu mô hình tiếng *hai* (trong SHS). GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng *hai.*  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đánh vần tiếng hai (*hờ – ai - hai*). Lớp đánh vần đồng thanh tiếng *hai*.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng *hai.* Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng *hai.*  **- Đọc tiếng trong SHS**  + Đánh vần tiếng. GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nối tiếp nhau (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.  **- Đọc trơn tiếng.**  + GV yêu cầu mỗi HS đọc trơn một tiếng nối tiếp nhau, hai lượt.  + GV yêu cầu mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.  **- Ghép chữ cái tạo tiếng**  + GV yêu cầu HS tự tạo các tiếng có chứa vần *ai, ay, ây*.  + GV yêu cầu 1 - 2 HS phân tích tiếng và 1- 2 HS nêu lại cách ghép.  + GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: *chùm vải, máy cày, đám mây*. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn *chùm vải,* GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh.  - GV cho từ ngữ c*hùm vải* xuất hiện dưới tranh.  - GV yêu cầu HS nhận biết tiếng chứa vần ai trong *chùm vải*, phân tích và đánh vần tiếng *vải*, đọc trơn từ ngữ *chùm vải.*  - GV thực hiện các bước tương tự đối với *máy cày, đám mây*.  - GV yêu cầu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 – 4 lượt HS đọc. 2- 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  - GV yêu cầu từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **3. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ viết các vần *ai, ay, ây.*  - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình viết các vần *ai, ay, ây*.  - HS viết vào bảng con: *ai, ay, ây* và *vải, máy, mây* (chữ cỡ vừa). HS có thể chỉ viết các vần *ai* và *ây* vì trong vần *ây* đã có *ay*.  - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn.  - GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết cho HS. | - HS chơi.  - Hs lắng nghe.  - HS trả lời.  - HS nói.  - HS đọc  - Hs lắng nghe và quan sát.  - Hs lắng nghe.  - Hs lắng nghe.  - HS trả lời.  - HS đánh vần.  - Lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.  - HS đọc trơn.  - Cả lớp đọc trơn đồng thanh.  - HS tìm, ghép.  - HS ghép.  - HS ghép.  - HS đọc.  - HS lắng nghe.  - HS đánh vần. Lớp đánh vần đồng thanh.  - HS đọc trơn. Lớp đọc trơn đồng thanh.  - HS đánh vần, lớp đánh vần.  - HS đọc.  - HS đọc.  - HS tự tạo.  - HS phân tích.  - HS ghép lại.  - Lớp đọc trơn đồng thanh.  - HS lắng nghe, quan sát.  - HS nói.  - HS nhận biết.  - HS thực hiện.  - HS đọc.  - HS đọc.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe, quan sát.  - HS viết.  - HS nhận xét.  - HS lắng nghe. |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **4. Viết vở**  - HS viết vào vở Tập viết 1, tập một các vần *ai, ay, ây*; từ ngữ *chùm vải, đám mây*.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS.  **5. Đọc đoạn**  - GV đọc mẫu cả đoạn.  - GV yêu cầu HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần *ai, ay, ây.*  – GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rối mới đọc).  - GV yêu cầu từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần *ai, ay, ây* trong đoạn văn một số lần  - GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng cầu (mỗi HS một câu), khoảng 1- 2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.  - GV yêu cầu một số (2 - 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.  HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn:  *+ Con vật mà nay con nhìn thấy có đặc điểm gì?*  *+ Em thử đoán xem nai con sẽ nói gì với mẹ?*  *+ Nai mẹ nói gì với nai con?*  **6. Nói theo tranh**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SHS, GV đặt từng cầu hỏi HS trả lời:  *+ Tranh vẽ cảnh ở đâu?*  *+ Trong tranh có những ai?*  *+ Hà đang làm gì?*  *+ Chuyện gì xảy ra?;*  *+ Em thử đoán xem tại sao Hà lại va phải người khác?*  *+ Theo em, Hà sẽ nói gì với người đó?*  - GV yêu cầu một số (2 - 3) HS trả lời những câu hỏi trên và có thể trao đổi thêm về tình huống xin lỗi.  - GV có thể mở rộng gìúp HS có ý thức xin lỗi những khi có lỗi với người khác.  **III. Vận dụng trải nghiệm.**  - HS tìm một số từ ngữ chứa vần *ai, ay, ây* và đặt câu với từ ngữ tìm được.  - GV nhận xét chung gìờ học, khen ngợi và động viên HS.  - GV lưu ý HS ôn lại các vần *ai, ay, ây* và khuyến khích thực hành giao tiếp ở nhà. | - HS lắng nghe.  - HS viết.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - HS đọc thầm, tìm.  - HS đọc.  - HS đọc.  - HS đọc.  - HS đọc.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - Hs lắng nghe  - HS thực hiện.  - HS lắng nghe. |

**D. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM:**

**Bài 5: THÂN THIỆN VỚI BẠN BÈ (trang 22, 23, 24)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Thể hiện được lời nói, thái độ, việc làm thể hiện sự thân thiện với bạn bè

- Biết thể hiện sự thân thiện với bạn

- Biết yêu thương, quý trọng bạn bè xung quanh

- HS tự tin, tích cực, chủ động trong giao tiếp.

- Yêu thích môn học

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**: Máy tính, thiết bị phát nhạc, một số bài hát về tình bạn phù hợp với HS lớp 1 (bài *múa vui*)

**2. Học sinh:** Thẻ mặt cười, mếu

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1. Khởi động**  -GV tổ chức cho HS hát 1 bài hát về tình bạn | -HS tham gia |
| **2. Khám phá – kết nối**  **Hoạt động 1: Chỉ ra những biểu hiện thân thiện với bạn**  **\* Bước 1: Làm việc theo nhóm**  -GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SGK, thảo luận cặp đôi để nhận biết hành động nào thể hiện sự thân thiện, hành động nào là không thân thiện với bạn  **\* Bước 2: Làm việc chung cả lớp**  -GV mời HS chia sẻ kết quả thảo luận  -GV nhận xét, kết luận  -GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp để kể những hành động thể hiện sự thân thiện mà các em biết  -GV lấy tinh thần xung phong của các cặp HS chia sẻ kết quả thảo luận  -GV nhận xét, kết luận:  ***Các hành động như tươi cười với bạn, hỏi han khi thấy bạn buồn, hỏi thăm khi bạn ốm, tặng quà hoặc nói lời chúc mừng nhân dịp sinh nhật bạn, giúp bạn học, cho bạn mượn đồ dùng học tập, đọc sách cùng bạn,… là những hành động thể hiện sự thân thiện với bạn*** | - HS quan sát  - HS thảo luận nhóm đôi  - Đại diện các nhóm chia sẻ  - Nhận xét, bổ sung  - HS kể theo cặp |
| **3. Thực hành**  **Hoạt động 2: Sắm vai xử lí tình huống**  **\* Bước 1: Làm việc theo nhóm**  -GV yêu cầu mỗi nhóm chọn 1 tình huống trong SGK để sắm vai  -Mời các nhóm cử đại diện sắm vai các nhân vật trong tình huống  **\* Bước 2: Làm việc chung cả lớp**  -Các nhóm lần lượt lên sắm vai, các nhóm khác quan sát, nhận xét về cách xử lí của nhóm bạn  -GV nhận xét, kết luận cách xử lí đúng | -HS quan sát tranh, thảo luận để đưa ra cách xử lí  -HS thực hiện sắm vai  -HS theo dõi, nhận xét  -HS lắng nghe |
| **IV. Vận dụng**  **Hoạt động 3: Thể hiện sự thân thiện với bạn bằng lời nói và hành động**  -GV yêu cầu HS về nhà chia sẻ với người thân về những hành vi đã ứng xử với bạn ở trường để gia đình góp ý kiến  -Dặn dò HS luôn ứng xử thân thiện với bạn ở trường, lớp, ở nhà và những nơi công cộng khác  -Gv yêu cầu HS chia sẻ những điều thu hoạch/ học được/ rút ra được bài học kinh nghiệm sau khi tham gia các hoạt động  -Gv nêu thông điệp: *Để thân thiện với bạn, em cần: vui vẻ với bạn, giúp đỡ bạn, rủ bạn chơi cùng, quan tâm, chia sẻ với bạn, không đánh bạn* | -HS lắng nghe  -HS chia sẻ  -HS lắng nghe, nhắc lại |
| **V. Vận dụng trải nghiệm**  -Nhận xét tiết học  -Dặn dò chuẩn bị tiết sau | -HS lắng nghe |

**D. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Ngày thứ 4**:

**Ngày soạn** : 05/11/2024

**Ngày dạy** :Thứ Năm ngày 07/11/2024

**TIẾNG VIỆT**

**Bài 39: OI, ÔI, ƠI (trang 90)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết và đọc đúng các vần *oi, ôi, ơi*; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần *oi, ôi, ơi*; hiểu và trả lời được các cầu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng các vần *oi, ôi, ơi*; viết đúng các tiếng, từ ngữ có các vần *oi, ôi, ơi.*

- Cảm nhận được tình cảm mẹ con được thể hiện trong đoạn đối thoại đọc hiểu, từ đó gắn bó hơn với gìa đình.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: Máy tính, giáo án điện tử, SGK TV

**2. Học sinh:** Bộ đồ dùng TV, bảng, phấn, SGK, vở TV

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - HS hát chơi trò chơi  **2. Hình thành kiến thức**  **2.1. Nhận biết**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: *Em thấy gì trong tranh?*  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo.  - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo.  - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: *Voi con/ mời bạn đi xem hội.*  - GV giới thiệu các vần mới *oi, ôi, ơi*. Viết tên bài lên bảng.  **2.2. Đọc**  **a. Đọc vần**  **- So sánh các vần**  + GV giới thiệu vần *oi, ôi, ơi.*  + GV yêu cầu một số (2 - 3) HS so sánh vần *oi, ôi, ơi* để tìm ra điểm gìống và khác nhau. GV nhắc lại điểm gìống và khác nhau gìữa các vần.  **- Đánh vần các vần**  + GV đánh vần mẫu các vẫn *oi, ôi, ơi.*  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 3 vần.  + Lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.  **- Đọc trơn các vần**  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 3 vẫn.  + Y/c lớp đọc trơn đồng thanh 3 vần một lần.  **- Ghép chữ cái tạo vần**  + GV yêu cầu HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vẫn *oi.*  + HS tháo chữ *o*, ghép *ô* vào để tạo thành *ôi.*  + HS tháo chữ *ô*, ghép *ơ* vào để tạo thành *ơi*.  + GV yêu cầu lớp đọc đồng thanh *oi, ôi, ơi* một số lần,  **b, Đọc tiếng**  - **Đọc tiếng mẫu**  + GV giới thiệu mô hình tiếng *voi* (trong SHS). GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng *voi.*  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đánh vần tiếng *voi* (*vờ – oi – voi*). Lớp đánh vần đồng thanh tiếng *voi.*  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng *voi*. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng *voi.*  **- Đọc tiếng trong SHS**  + Đánh vần tiếng. GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nối tiếp nhau (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.  + Đọc trơn tiếng. Mỗi HS đọc trơn một tiếng nối tiếp nhau, hai lượt.  + Mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một âm. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.  - Ghép chữ cái tạo tiếng.  + HS tự tạo các tiếng có chứa vần *oi, ôi, ơ1.* Giáo viên yêu cầu 1 - 2 HS phân tích tiếng, 1- 2 HS nêu lại cách ghép.  + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: *chim bói cá, thổi còi, đó chơi*. Sau đó đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn *chim* *bói cá*, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ *chim bói cả* xuất hiện dưới tranh.  - GV yêu cầu HS nhận biết tiếng chứa vần *oi* trong *chim bói cá*, phân tích và đánh vần tiếng *bói*, đọc trơn từ ngữ *chim bói cá.*  - GV thực hiện các bước tương tự đối với *thổi còi, đồ chơi*.  - GV yêu cầu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 – 4 lượt HS đọc; 2 - 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  - GV yêu cầu từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **3. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ viết các vần *oi, ôi, ơi.*  - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình viết các vần *oi, ôi, ơi.*  - GV yêu cầu HS viết vào bảng con: *oi, ôi, ơi* và *còi, thổi, chơi* (chữ cỡ vừa). HS có thể chỉ viết hai vần *ôi* và *ơi* vì trong các vần này đã có *oi*.  - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn.  - GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết cho HS. | - HS chơi.  - HS trả lời.  - Hs lắng nghe, nói theo.  - HS đọc.  - HS đọc.  - Hs lắng nghe và quan sát.  - Hs lắng nghe.  - HS trả lời.  - Hs lắng nghe.  - HS đánh vần.  - Lớp đánh vần.  - HS đọc trơn vần.  - Lớp đọc trơn vần.  - HS ghép.  - HS ghép.  - HS ghép  - HS đọc.  - HS lắng nghe.  - HS thực hiện.  - HS đánh vần. Lớp đánh vần đồng thanh.  - HS đọc.  - HS đánh vần, lớp đánh vần.  - HS đọc.  - HS đọc.  - HS tự tạo.  - HS phân tích.  - HS ghép lại.  - Lớp đọc trơn đồng thanh.  - HS lắng nghe, quan sát.  - HS nói.  - HS nhận biết.  - HS thực hiện.  - HS đọc.  - HS đọc.  - HS quan sát.  - HS quan sát, lắng nghe.  - HS viết.  - HS nhận xét.  - HS lắng nghe. |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **4. Viết vở**  - GV yêu cầu HS viết vào vở Tập viết 1, tập một các vần *oi, ôi*, *ơi*; các từ ngữ *thổi còi, đồ chơi.*  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS.  **5. Đọc đoạn**  - GV đọc mẫu cả đoạn.  - GV yêu cầu HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần *oi, ôi, ơi*.  - GV yêu cầu một số (4-5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rối cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần *oi, ôi, ơi* trong đoạn văn một số lần.  - GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng cầu (mỗi HS một câu), khoảng 1 - 2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.  - GV yêu cầu một số (2 - 3) HS đọc cả đoạn.  HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn:  *+ Mạ lớn lên gọi là gì?*  *+ Bê lớn lên gọi là gì?*  *+ Theo em, mẹ có yêu Hà không?*  *Vì sao em nghĩ như vậy?* (Gợi ý: Dù Hà còn bé hay lớn lên thì mẹ vẫn coi Hà là cô con gái nhỏ của mẹ. Tình cảm của mẹ dành cho Hà không bao gìờ thay đổi.)  **6. Nói theo tranh**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi và HS trả lời theo từng câu: *Các em thấy những gì trong tranh?* (chiếc xe máy của mẹ và chiếc xe đạp của Hà);  + *Gìữa hai chiếc xe này, các em thấy có gì gìống nhau và khác nhau?* (Gìống nhau: đều là xe có 2 bánh; bánh xe của cả hai loại xe đều có lốp được làm bằng cao su; đều có yên xe;... khác nhau: xe của mẹ là xe máy, xe của Hà là xe đạp, xe máy đi nhanh hơn xe đạp; xe máy to hơn, dài hơn, nặng hơn xe đạp;...).  - GV yêu cầu một số (2 - 3) HS trả lời những câu hỏi trên và có thể trao đổi thêm về các phương tiện gìao thông khác.  **III. Hoạt động vận dụng trải nghiệm:**  - HS tìm một số từ ngữ chứa vần *oi, ôi, ơi* và đặt cầu với từ ngữ tìm được.  - GV nhận xét chung gìờ học, khen ngợi và động viên HS.  - GV lưu ý HS ôn lại các vần *oi, ôi, ơi* và khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà. | - HS lắng nghe  - HS viết.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - HS đọc thầm, tìm.  - HS đọc.  - HS đọc  - HS đọc  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS thực hiện  - Hs tìm.  - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

…………………………………………………………………………………..

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**TỰ NHIÊN XÃ HỘI**

**Bài 7: CÙNG KHÁM PHÁ TRƯỜNG HỌC**

**(Tiết 3 - trang 34, 35)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau bài học, HS sẽ:

- Kể được một số hoạt động chính ở trường, tích cực, tự giác tham gia các hoạt động đó

- Biết giao tiếp, ứng xử phù hợp với vị trí, vai trò và các mối quan hệ của bản thân với các thành viên trong trường.

- Nói được tên, địa chỉ của trường

- Xác định vị trí các phòng chức năng, một số khu vực khác nhau của nhà trường

- Kể được một số thành viên trong trường và nói được nhiệm vụ của họ

- Kính trọng thầy cô giáo và các thành viên trong nhà trường

- Kể được một số hoạt động chính ở trường, tích cực, tự giác tham gia các hoạt động đó.

- Biết giao tiếp, ứng xử phù hợp với vị trí, vai trò và các mối quan hệ của bản thân với các thành viên trong trường

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:**

+ Hình ảnh về trường học, một số phòng và khu vực trong trường cùng một số hoạt động ở trường

+ Máy tính, giáo án điện tử

**2. Học sinh**: Sưu tầm tranh ảnh về trường học và các hoạt động ở trường, SGK TNXH.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **1. Khởi động**  - GV chiếu trên màn hình một số hoạt động của trường mình (ngoài hoạt động dạy học), đặt câu hỏi để HS trả lời:  - Đó là hoạt động gì?  - Diễn ra ở đâu?, sau đó dẫn vào tiết học.  **2. Hình thành kiến thức**  **2.1. Khám phá**  - Hướng dẫn HS quan sát lần lượt các hình trong SGK, thảo luận về nội dung thể hiện trong hình theo câu hỏi gợi ý của GV:  +Ở trường có hoạt động nào?  +Ai đã tham gia những hoạt động nào?  + Các hoạt động đó diễn ra ở đâu? …)từ đó HS kể được các hoạt động chính diễn ra ở trường; biểu diễn văn nghệ chào mừng năm học mới, chăm sóc cây trong vườn trường, giờ tập thể dục, chào cờ, …  - Khuyến khích các em kể về những hoạt động khác mà các em đã tham gia hoặc được nghe kể (ví dụ: chơi các trò chơi tập thể, đồng diễn thể dục, đóng kịch, hội sách, …)  **2.2 Thực hành**  - GV tổ chức cho HS làm việc nhóm, thảo luận về các hoạt động chính ở trường.  - Đại diện nhóm trình bày ý kiến của nhóm mình.  - GV theo dõi, nhận xét và động viên.  **2.3 Vận dụng:**  - GV gợi ý để HS trao đổi theo cặp đôi về những hoạt động của trường mà em đã tham gia và cảm xúc khi tham gia hoạt động đó,  - Yêu cầu HS nói được hoạt động của mình thích tham gia nhất và lí do vì sao.  - GV tổng hợp lại và giới thiệu một số hoạt động của trường (sử dụng tranh ảnh, clip, video).  **2.4. Đánh giá**  - Hs tích cực, tự giác và thường xuyên tham gia các hoạt động của trường và bộc lộ được cảm xúc vui vẻ, trách nhiệm khi tham gia những hoạt động đó.  - Định hướng phát triển năng lực, phẩm chất: GV có thể tổ chức cho HS thảo luận nội dung hoạt động ở hình tổng kết cuối bài, liên hệ với trường học của em:  +Trường em diễn ra hoạt động này chưa?  +Có những hoạt động tương tự nào?  +Em có tham gia những hoạt động đó không?  +Em thích hoạt động nào nhất?  -GV tổng kết lại: Đây là một việc làm rất có ý nghĩa mà các em hoàn toàn có thể tự làm được. Từ đó hình thành ý thức, phát triển các kĩ năng cần thiết cho HS.  **3.Hoạt động vận dụng trải nghiệm:**  - Nhắc lại nội dung bài học  - Nhận xét tiết học  - Hướng dẫn hs chuẩn bị bài sau  - Dặn HS tìm thêm một số bài hát về trường lớp, thầy cô  - Kể với bố mẹ, anh chị về những hoạt động đã tham gia ở trường. | - HS quan sát  - HS trả lời câu hỏi   * HS quan sát hình, thảo luận nhóm * Đại diện nhóm trình bày * HS nhận xét, bổ sung   - HS kể cho bạn   * HS làm việc nhóm * Đại diện nhóm trình bày. HS lắng nghe   - HS làm việc nhóm đôi  - Đại diện nhóm trình bày  - HS theo dõi  - HS lắng nghe  - HS thảo luận, làm việc nhóm  - Đại diện nhóm trình bày  - HS nhận xét, bổ sung  - HS lắng nghe  - HS nhắc lại  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe và thực hiện khi ở nhà |

**IV : CHỈNH SAU BÀI DẠY**

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Ngày thứ 5:**

**Ngày soạn**:06/11/2024

**Ngày dạy**: Thứ Sáu ngày 08/11/2024

|  |  |
| --- | --- |
| **TOÁN**  **Bài 10: PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 10**  **(Tiết 2 - trang 58, 59)**  **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**  Củng cố về ý nghĩa của Phép cộng là “gộp lại”, tìm kết quả phép cộng trong phạm vi 10 bằng cách đếm tất cả. Vận dụng được đặc điểm này trong thực hành tính  - Thực hiện được phép cộng trong phạm vi 10  - Bước đầu nhận biết tính chất giao hoán của phép cộng qua các công thức số (dạng 3+4 = 4 + 3). Vận dụng tính chất này trong thực hành tính.  **-** Viết được phép cộng phù hợp với tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tế có vấn đề cần giải quyết bằng phép cộng.  - Nêu được bài toán phù hợp với tranh vẽ, mô hình đã có; trả lời được câu hỏi của bài toán.  **II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**  **1. Giáo viên:**  - Máy tính, giáo án điện tử, SGK Toán  **2. Học sinh:**  - Bộ đồ dùng học Toán, SGK Toán  III**. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC** | |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - GV cho cả lớp hát 1 bài  - GV giới thiệu bài  **2. Luyện tập**  **\*Bài 1: Số ?**  - Nêu yêu cầu bài tập  - HD HS nêu cách tìm kết quả của từng phép tính  - Yêu cầu HS làm bài  - HS nêu kết quả  - GV cùng HS nhận xét | - HS hát  - HS lắng nghe   * HS theo dõi * HS nêu cách tìm * HS thực hiện * HS nêu kết quả * HS nhận xét |
| **\*Bài 2: Tính nhẩm**  - Nêu yêu cầu bài tập  - HD HS tính nhẩm  - Yêu cầu HS làm bài  - HS nêu kết quả  - GV cùng HS nhận xét | * HS theo dõi * HS thực hiện * HS nêu kết quả * HS nhận xét |
| **\*Bài 3: Số ?**  - Nêu yêu cầu bài tập  - HD HS cách viết phép cộng phù hợp với tình huống  - GV giải thích yêu cầu của đề bài: Quan sát từ hình vẽ ở SGK rồi nêu phép tính phù hợp  - Yêu cầu HS làm bài  - HS nêu kết quả  - GV cùng HS nhận xét | - HS theo dõi  - HS thực hiện  - HS nêu kết quả  - HS nhận xét |
| **\*Bài 4: Số ?**  - Nêu yêu cầu bài tập  - HD HS tìm số thích hợp trong ô dựa vào các phép cộng đã học để nhận ra số phải tìm tính phù hợp  - Yêu cầu HS làm bài vào vở  - HS nêu kết quả  - GV cùng HS nhận xét | * HS theo dõi * HS thực hiện làm bài vào vở * HS nêu kết quả * HS nhận xét |
| **3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm:**  - Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì? |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**TIẾNG VIỆT**

**Bài 40: ÔN TẬP VÀ KỂ CHUYỆN (Trang 92)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nắm vững cách đọc các vần *om, ôm, ơm, em, êm, im, um, ai, ay, ây, oi, ôi, ơi*; cách đọc các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các văn *om, ôm, ơm, em, êm, im, um, ai, ay, ây, oi, ôi, ơi*; hiểu và trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung đã đọc.

- Phát triển kĩ năng đọc thông qua đọc bảng và đọc các từ ngữ chứa một số vần đã học.

- Phát triển kỹ năng viết thông qua viết câu có những từ ngữ chứa một số vần đã học. Giúp học sinh bước đầu hình thành các năng lực chung, phát triển năng lực ngôn ngữ ở tất cả các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe với mức độ căn bản.

-Phát triển kỹ năng nghe và nói thông qua truyện kể *Hai người bạn và con gấu*.

- Qua câu chuyện, HS bước đầu được rèn luyện kĩ năng đánh giá tình huống, xử lí vần để trong các tình huống và kỹ năng hợp tác.

- Chăm chỉ luyện đọc và viết thành thạo các chữ đã học trong tuần, kiên trì, nhẫn nại sửa sai khi đọc, viết, nói.

- Thêm yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: Máy tính, giáo án điện tử, SGK TV

**2. Học sinh:** Bộ đồ dùng TV, bảng, phấn, SGK, vở TV

**C. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| --- | --- |
| **TIẾT 1** | |
| **1. Ôn và khởi động**  - GV cho HS hát 1 bài.  **2. Hình thành kiến thức**  **2.1. Đọc tiếng, từ ngữ**  - Đọc tiếng:  + GV yêu cầu HS đọc trơn thành tiếng (cá nhân, nhóm), đọc đồng thanh (cả lớp).  Ngoài những tiếng có trong SHS, nếu có thời gian ôn luyện, GV có thể cho HS đọc thêm các tiếng chứa vần được học trong tuần: *khóm, góm, thơm, hẻm, đếm, ghim, chụp, bãi, dạy, đẩy, nói, gội, lời*.  - Đọc từ ngữ:  + GV yêu cầu HS đọc thành tiếng (cá nhân, nhóm), đọc đồng thanh (cả lớp).  **2.2. Đọc đoạn**  - GV yêu cầu HS đọc thầm cả đoạn, tìm tiếng có chứa các vần đã học trong tuần.  - GV hỏi HS về các tiếng chứa vần đã học có trong mỗi câu: Câu 1 có những tiếng nào chứa vần vừa học? GV thực hiện tương tự với các câu còn lại.  - GV giải thích nghĩa từ ngữ (nếu cần). GV đọc mẫu.  - GV yêu cầu HS đọc thành tiếng cả đoạn (theo cá nhân hoặc theo nhóm), sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV.  - GV hỏi HS một số câu hỏi về nội dung đã đọc:  *+ Nhím con ra bãi cỏ để làm gì (tìm cái ăn)?*  *+ Nhím thấy gì ngoài bãi cỏ* (vô số quả chín và thơm ngon)?  *+ Em chọn từ nào để khen ngợi nhím: “thông minh” hay “tốt bụng”* (tốt bụng)?  + *Tại sao em chọn từ đó* (vì nhím biết nghĩ đến bạn, biết chia sẻ với bạn)?  GV và HS thống nhất câu trả lời.  **3. Viết câu**  - GV hướng dẫn HS viết vào vở Tập viết 1, tập một câu "*Voi con có vòi dài”,* chữ cỡ vừa trên một dòng kẻ. Số lần lặp lại tuỳ thuộc vào thời gian cho phép và tốc độ viết của HS.  - GV quan sát và sửa lỗi cho HS. | - Hs hát.  - Hs đọc.  - HS đọc.  - HS đọc.  - HS đọc.  - HS tìm.  - Hs lắng nghe.  - Một số (4-5) HS đọc sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  - Hs trả lời.  - Hs trả lời.  - Hs trả lời.  - Hs lắng nghe.  - HS viết.  - HS nhận xét.  - Hs lắng nghe. |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **4. Kể chuyện**  a. Văn bản  HAI NGƯỜI BẠN VÀ CON GẤU  Một ngày nọ, có hai người bạn, một béo một gầy, cùng nhau vào rừng. Đột nhiên có một con gấu xuất hiện. Chàng gầy liền nhanh chân trèo lên cây và nấp sau các cành cây. Còn chàng béo do không chạy được nhanh nên đã nằm xuống đất và gìả chết. Khi con gấu tới, nó ngửi khắp người chàng béo và nhanh chóng rời đi vì tưởng rằng anh đã chết. Anh chàng gầy từ trên cây leo xuống và đến hỏi thăm chàng béo: "Cậu không sao chứ? Con gấu đã thì thẩm điều gì với cậu thế?” Chàng béo nhìn chàng gầy với vẻ thất vọng và trả lời: “Gấu nói với tớ là không nên chơi với người bạn bỏ mình khi gặp nguy hiểm.”  (Theo Truyện ngụ ngôn của Edop)  b. GV kể chuyện, đặt câu hỏi và HS trả lời  Lần 1: GV kể toàn bộ câu chuyện.  Lần 2: GV kể từng đoạn theo tranh.  Lần 2: GV kể từng đoạn và đặt câu hỏi. HS trả lời.  Đoạn 1: Từ đầu đến *một con gấu xuất hiện*. GV hỏi HS:  1. Hai người bạn đi đâu?  2. Trên đường đi, chuyện gì xảy ra với họ?  Đoạn 2: Tiếp theo đến *gìả chết*. GV hỏi HS:  3. Anh gầy làm gì khi nhìn thấy con gấu?  4. Anh béo làm gì để đánh lừa con gấu?  Đoạn 3: Tiếp theo đến *tưởng rằng anh đã chết.* GV hỏi HS:  5. Con gấu làm gì chàng béo?  6. Vì sao con gấu bỏ đi?  Đoạn 4: Tiếp theo đến hết. GV hỏi HS:  7. Anh gây hỏi anh béo điều gì?  8. Anh béo trả lời anh ấy thế nào?  9. Theo em, anh gây có phải là người bạn tốt không? Tại sao?  GV có thể tạo điều kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra câu trả lời phù hợp với nội dung từng đoạn của câu chuyện được kể.  c. HS kể chuyện  - GV yêu cầu HS kể lại từng đoạn theo gợi ý của tranh và hướng dẫn của GV.  - Một số HS kể toàn bộ câu chuyện. GV cũng có thể cho HS đóng vai kể lại từng đoạn hoặc toàn bộ câu chuyện và thi kể chuyện. Tuỳ vào khả năng của HS và điều kiện thời gian để tổ chức các hoạt động cho hấp dẫn và hiệu quả.  **III. Vận dụng trải nghiệm**  - GV nhận xét chung gìờ học, khen ngợi và động viên HS.  - GV khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà. HS kể cho người thân trong gìa đình hoặc bạn bè câu chuyện *Hai người bạn và con gấu.* | - Hs lắng nghe.  - Hs lắng nghe.  - Hs lắng nghe  - Hs trả lời.  - Hs trả lời.  - Hs trả lời.  - Hs trả lời.  - Hs trả lời.  - Hs trả lời.  - Hs trả lời.  - Hs trả lời.  - Hs trả lời.  - HS kể.  - HS kể.  - HS lắng nghe. |

**D. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

.............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................